

Bản án số: 171/2024/DS-PT

Ngày: 09 - 4 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh;

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2023/TLPT-DS ngày 30/11/2023 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Hồ Văn C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông C là:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2022).

- ***Bị đơn:*** Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Minh Đ là bị đơn và chị Nguyễn Thị Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn ông Hồ Văn C:

Vụ Đông xuân năm 2020-2021, ông có hợp đồng bán lúa giống và bao tiêu sản phẩm với vợ chồng anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P, cùng ngụ tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi thu hoạch vụ Đông xuân năm 2020-2021 xong, vợ chồng anh Đ, chị P thực hiện đúng theo hợp đồng.

Vụ Hè Thu năm 2021, ông và vợ chồng anh Đ, chị P tiếp tục hợp đồng bán lúa giống và bao tiêu sản phẩm như vụ Đông Xuân năm 2020-2021. Ngày 27/3/2021, ông giao 2.200kg lúa giống Nàng X (Gạo đỏ) cho vợ chồng anh Đ, chị P để canh tác 22ha đất, giá lúa giống theo thỏa thuận là 17.500đ/kg x 2.200kg = 38.500.000đ. Phần tiền lúa giống này khi anh Đ, chị P giao sản phẩm sẽ khấu trừ lại. Ngoài phần tiền lúa giống, ông sẽ đầu tư cho anh Đ, chị P 3.000.000 đồng/ha, số tiền này ông sẽ giao khi ký hợp đồng chính thức.

Ngày 15/4/2021, ông trực tiếp điện gặp anh Đ và chị P để hẹn ngày ký hợp đồng chính thức. Vợ chồng anh Đ, chị P cho rằng không có canh tác lúa giống ông giao mà đã chà ăn hết nên không ký hợp đồng. Ông cho rằng vợ chồng anh Đ, chị P nói như vậy là không có cơ sở. Bởi vì, lúa dùng để chà ăn vào thời điểm này từ 6.000 đồng/kg – 6.500 đồng/kg. Trong khi đó lúa giống 17.500 đồng/kg, như vậy chênh lệch giữa lúa giống và lúa để chà ăn hơn gấp đôi nên lời trình bày của anh Đ, chị P không hợp lý. Hành vi này của vợ chồng anh Đ, chị P là nhằm mục đích không giao sản phẩm cho ông theo sự thỏa thuận chung giữa hai bên. Mặt khác, hành vi này cũng nhằm mục đích lấy lúa giống của ông để bán lại cho người khác,

bán ra thị trường (Tuy lúa của ông không có đăng ký thương hiệu nhưng lúa của ông là lúa độc quyền). Hành vi này của vợ chồng anh Đ, chị P đã gây ảnh hưởng đến nguồn lúa giống của ông và ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình ông. Vì trong thỏa thuận chung là ông giao lúa giống và bao tiêu sản phẩm, không được lấy lúa giống của ông để bán cho người khác nếu như không có sự đồng ý của ông.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P liên đới trả cho ông 38.500.000 đồng tiền lúa giống mà ông đã giao cho vợ chồng anh Đ, chị P 2.200kg vào ngày 27/3/2021 với giá thỏa thuận là 17.500đ/kg và tiền lãi tính từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2022 là 11 tháng x 1.66% x 38.500.000đ = 7.030.100đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 45.530.100 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông và anh M xác định giá lúa giống khi thỏa thuận với anh Đ và chị P là 13.500đ/kg nhưng ông vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Đ và chị P trả tiền lúa giống với giá là 17.500đ/kg, số lượng 2.200kg là 38.500.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.713.533 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi anh Đ và chị P trả xong nợ.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì đây là hợp đồng bao tiêu, ông C sẽ thu mua lúa lại chứ anh không có mua lúa giống của ông C. Hợp đồng trên được thỏa thuận vào vụ Hè Thu năm 2021, không có làm văn bản giấy tờ. Khi hai bên thỏa thuận thì ông C qua nhà anh Hai D, nơi anh canh tác lúa để thỏa thuận. Hai bên thỏa thuận là ông C giao lúa giống cho anh tại xã V, huyện T, tỉnh Long An để anh canh tác lúa tại Long An. Số lượng lúa giống mà ông C giao cho anh là 2.200kg. Giá lúa giống là 13.500 đồng/kg. Thu mua lại là 5.600 đồng/kg. Khi giao lúa thì chưa thu tiền lúa giống mà đến khi thu hoạch sẽ trừ lại tiền lúa giống.

Khi thu hoạch lúa thì anh có điện thoại và đến nhà ông C để yêu cầu thu mua lúa nhưng ông C không đến thu mua như thỏa thuận. Sau 10 ngày không thấy ông C đến thu mua nên anh mới bán cho thương lái bên ngoài. Việc ông C không đến thu mua lúa thành phẩm là lỗi của ông C, nên anh mới bán ra ngoài. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu của ông C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến và lời trình bày của anh Đ. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C.

Buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hồ Văn C số tiền mua lúa giống vốn là 29.700.0000 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 2.621.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 32.321.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền lúa giống là 8.800.000 đồng (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi 16.092.533 đồng (Mười sáu triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 24.892.533 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông C. Yêu cầu được đối chất với ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Đ và chị P thừa nhận có thỏa thuận trồng và bao tiêu lúa với ông C, loại lúa Nàng X, với giá lúa giống là 13.500 đồng/kg, số lượng là 2.200kg. Anh Đ, chị P đã nhận lúa giống và canh tác nhưng anh, chị cho rằng đến khi thu hoạch lúa thì ông C không đến thu mua làm thiệt hại cho anh, chị nên không đồng ý trả tiền lúa giống cho ông C.

[2] Xét thấy, anh Đ và chị P đã nhận lúa giống của ông C để canh tác và chưa trả tiền lúa giống nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đ, chị P trả tiền lúa giống cho ông C theo giá mà hai bên thỏa thuận 13.500 đồng/kg, số lượng 2.200kg với số tiền là 29.700.000 đồng và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày ông C làm đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/9/2023 theo quy định của pháp luật là 2.621.000 đồng, Tổng cộng vốn và lãi 32.321.000 đồng là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Việc anh Đ, chị P cho rằng ông C có thỏa thuận bao tiêu lúa, nhưng đến khi thu hoạch thì ông C không đến thu mua nên gây thiệt hại cho anh, chị nên không đồng ý trả tiền lúa giống theo yêu cầu của ông C là không phù hợp. Bởi vì, anh chị không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Mặt khác, tại Tòa án cấp sơ thẩm anh, chị không có đơn phản tố yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại và không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh chị. Sau này nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh Đ, chị P không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên kháng cáo của anh, chị không được chấp nhận.

[4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đ và chị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên anh Đ và chị P phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C.

4. Buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P phải liên đới trả cho ông Hồ Văn C số tiền mua lúa giống vốn là 29.700.000 đồng và tiền lãi là 2.621.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 32.321.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền lúa giống là 8.800.000 đồng và tiền lãi 16.092.533 đồng. Tổng cộng là 24.892.533 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng).

6. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu 1.616.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000802 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tháp Mười. Anh Đ và chị P phải liên đới nộp tiếp số tiền còn lại là 1.616.000 đồng.

+ Ông Hồ Văn C phải chịu 1.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi Nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ Danh Đạt**